ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 236 /TB-ĐHCN
V/v: Thông báo tuyển sinh đào tạo thạc sĩ đợt 2 năm 2023

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2023

1. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ CHUẨN

1.1. Chuyên ngành tuyển sinh

1.1.1. Khoa Công nghệ Thông tin, các chuyên ngành: Kỹ thuật phần mềm, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, An toàn thông tin, Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính.

1.1.2. Khoa Điện tử - Viễn thông, các chuyên ngành: Kỹ thuật điện tử, Kỹ thuật viễn thông.

1.1.3. Khoa Cơ học kỹ thuật và Tự động hóa, các chuyên ngành: Cơ kỹ thuật, Kỹ thuật cơ điện tử.

1.1.4. Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nano, chuyên ngành: Vật liệu và linh kiện nano.

1.1.5. Khoa Công nghệ Xây dựng – Giao thông, ngành: Kỹ thuật xây dựng.

***Ghi chú**: Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kỹ thuật xây dựng có 02 chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng và Quản lí đô thị công trình, dựa trên số lượng thí sinh đăng ký của mỗi chuyên ngành Nhà trường sẽ tổ chức đào tạo theo phương án khả thi.*

1.2. Điều kiện về văn bằng bậc đại học

- Đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp (xem Phụ lục 4), hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu. Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành. Thí sinh thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì phải hoàn thành các học phần bổ sung trước khi dự thi;
- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ của CTĐT.

1.3. Điều kiện về năng lực ngoại ngữ

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, ngành sư phạm ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các đơn vị đào tạo trong ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 2 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển với điều kiện thí

sinh có sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ (đủ 4 kỹ năng) để xét và công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (chứng chỉ ngoại ngữ gửi kèm hồ sơ đăng ký dự tuyển);

- Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở tổ chức thi chứng chỉ ngoại ngữ được Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN công nhận (Phụ lục 1 và Phụ lục 2). Riêng đối với các ngoại ngữ khác tiếng Anh, do tình hình thực tế tổ chức thi các chứng chỉ quốc tế ở Việt Nam, trong năm 2023, có thể sử dụng giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ đủ 4 kỹ năng được ĐHQGHN công nhận (Phụ lục 2).

1.4. Các điều kiện khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;
- Có đủ sức khỏe để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học, thủ trưởng đơn vị đào tạo xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học;
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

2. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

2.1. XÉT TUYỂN THẲNG

2.1.1. Điều kiện xét tuyển thẳng

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học của ĐHQGHN và đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

+ Tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hạng Khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) thuộc các CTĐT tài năng, tiên tiến, chuẩn quốc tế, chất lượng cao (được nhà nước đầu tư), các CTĐT đã được kiểm định (bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín (AUN-QA, ABET hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) hoặc còn thời hạn kiểm định trong thời gian thí sinh học tập trình độ đại học;
+ Tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hạng Giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) các CTĐT chuẩn, chất lượng cao theo Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT của ĐHQGHN;
+ Tốt nghiệp một số ngành đại học chính quy ngành phù hợp hạng Giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến ngày nộp hồ sơ);

- Có năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu tại mục 1.3 tại thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển;
- Danh sách các ngành đào tạo bậc Đại học được xét tuyển thẳng bậc thạc sĩ đợt 2 năm 2023 tại Trường Đại học Công nghệ có chi tiết tại Phụ lục 3.

2.1.2. Điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học

- Đối với công trình nghiên cứu khoa học sinh viên:

+ Đạt giải thưởng cấp ĐHQGHN hoặc cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo: giải nhất: 0.2 điểm, giải nhì 0.15 điểm, giải ba 0.1 điểm, giải khuyến khích 0.07 điểm;

+ Đạt giải thưởng cấp trường hoặc cấp khoa trực thuộc: giải nhất 0.1 điểm, giải nhì 0.07 điểm, giải ba 0.05 điểm;

- Đối với bài báo khoa học đăng ở tạp chí ISI: 0.3 điểm; bài báo đăng trên tạp chí Scopus/quốc tế khác: 0.2 điểm; bài báo đăng trên kỷ yếu Hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc tế/quốc gia: 0.15 điểm;
- Sinh viên có nhiều thành tích thì được tích lũy điểm thưởng nhưng không quá 0.5 điểm.

***Ghi chú**: Điểm thưởng về thành tích nghiên cứu khoa học có thể được cộng thêm vào điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa của thí sinh để xét tuyển thẳng;*

Thí sinh có bằng tốt nghiệp loại Khá nếu có thành tích nghiên cứu khoa học có thể nộp hồ sơ xét tuyển thẳng nếu điểm xét tuyển thẳng = điểm trung bình chung tích lũy bậc đại học + điểm thành tích nghiên cứu khoa học ≥ 3.2.

2.1.3. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng

- 01 Bản sao công chứng văn bằng tốt nghiệp đại học;
- 01 Bản sao công chứng bảng điểm đại học;
- 01 Bản sao công chứng chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo bậc thạc sĩ;
- 01 Danh mục các công trình nghiên cứu khoa học (giải thưởng, bài báo…nếu có);
- 01 phiếu đăng ký dự thi tuyển sinh bậc thạc sĩ đợt 2 năm 2023 của Trường Đại học Công nghệ;
- 01 Sơ yếu lý lịch.

2.14. Thời gian thu nhận hồ sơ

- Thời gian đăng ký trực tuyến trên phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN: ***từ 8h00 ngày 22/05/2023 đến 17h00 ngày 30/08/2023***.
- Thời gian nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng tại Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN: ***từ 8h00 ngày 22/05/2023 đến 17h00 ngày 30/08/2023***.

***Ghi chú**: Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng ngoài việc đăng ký trực tuyến trên phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN còn phải nộp đầy đủ hồ sơ bản cứng tại Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ.*

2.1.5. Phương thức xét tuyển thẳng:

- Hội đồng chuyên môn đánh giá hồ sơ đăng ký dự thi dựa trên:

  + Chương trình đào tạo bậc đại học phù hợp với điều kiện xét tuyển;

  + Kết quả học tập trình độ đại học;

  + Năng lực ngoại ngữ (theo yêu cầu của chương trình đào tạo mà thí sinh dự tuyển);

  + Năng lực nghiên cứu khoa học (nếu có).

2.1.6. Thời gian xét tuyển thẳng: từ ngày 04/09/2023 ÷ 07/09/2023

2.1.7. Thời gian thông báo kết quả: ngày 08/09/2023

2.2. ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ VÀ PHỎNG VẤN

2.2.1. Điều kiện dự thi

Thí sinh đáp ứng điều kiện tuyển sinh ở các mục 1.2-1.4 nhưng không thuộc đối tượng xét tuyển thẳng ở mục 2.1 thì sẽ tham gia phỏng vấn và xét hồ sơ;

2.2.2. Tiêu chí đánh giá thí sinh

Tiêu chí đánh giá thí sinh bao gồm 3 nội dung:

- Đánh giá hồ sơ thí sinh;
- Đánh giá động cơ và mục đích học tập của thí sinh;
- Đánh giá kiến thức, nhận thức chuyên môn và năng lực, hiểu biết về chuyên ngành đào tạo.

3. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH: 150 học viên

STT	Ngành/Chuyên ngành	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu dành cho xét tuyển thẳng
1.	Khoa học máy tính	30	12
2.	Kỹ thuật phần mềm	20	12
3.	Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu	10	3
4.	Hệ thống thông tin	20	6
5.	An toàn thông tin	10	3
6.	Kỹ thuật điện tử	15	6
7.	Kỹ thuật viễn thông	15	6
8.	Vật liệu và linh kiện nano	05	2
9.	Cơ kỹ thuật	05	2
10.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	10	3
11.	Kỹ thuật xây dựng	10	5
	Tổng	**150**	**60**

4. ĐĂNG KÝ THI, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

4.1. Nhiệm vụ của thí sinh

- Truy cập vào phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ: http://tssdh.vnu.edu.vn và thực hiện đăng kí dự thi trực tuyến theo hướng dẫn. Thí sinh đã đăng ký tài khoản trong những kỳ tuyển sinh trước và chưa nhập học tại bất kỳ đơn vị nào trong ĐHQGHN có thể sử dụng tài khoản đã có để đăng ký dự tuyển trong năm 2023. Thí sinh phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo.
- Thời gian đăng kí: ***từ 8h00 ngày 22/05/2023 đến 17h00 ngày 30/08/2023***.

4.2. Thời gian phỏng vấn: ngày 16/09/2023.

4.3. Lệ phí

- Lệ phí: 420.000đ/thí sinh (áp dụng cho cả thí sinh xét tuyển thẳng).

- Phương thức nộp tiền: thí sinh có thể chuyển lệ phí tuyển sinh theo quy định vào tài khoản của Trường Đại học Công nghệ hoặc nộp trực tiếp bằng tiền mặt tại Trường Đại học Công nghệ.
- Thông tin chuyển tiền:

+ Tên Tài khoản: Trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN

+ Số TK: 21510001973669 tại Ngân hàng BIDV Cầu Giấy, Hà Nội

+ Nội dung chuyển khoản: Mã ĐKDT_Họ tên thí sinh_TS SĐH đợt 2_2023.

- Địa chỉ nộp tiền mặt: P.101A – Phòng Kế hoạch Tài chính – Trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN – Nhà E3, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Ghi chú: Mã ĐKDT – Mã Đăng ký dự thi. Mã ĐKDT được gắn theo thông tin đăng ký dự thi của mỗi thí sinh trên phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN; và hiển thị ngay tại đầu của mỗi phiếu đăng ký dự thi.

5. THÔNG TIN LỘ TRÌNH HỌC PHÍ TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

- Học phí năm học 2023-2024, lộ trình tăng học phí tuân theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 "Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo" và Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 "Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập" và các văn bản liên quan.

6. THỜI GIAN CÔNG BỐ KẾT QUẢ THI, THỜI GIAN ĐÀO TẠO

- **Thời gian công bố kết quả thi:** trước ngày 27/09/2023.
- **Thời gian đào tạo:** 2 năm.
- **Hình thức đào tạo:** chính qui.

7. THÔNG TIN LIÊN HỆ, TƯ VẤN TUYỂN SINH

Mọi chi tiết xin liên hệ tại:

Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội
Phòng 105-E3, 144 Đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3754 7810 hoặc số hotline 0987673043

Email: thanhvtp@vnu.edu.vn

Website: http://uet.vnu.edu.vn mục Tuyển sinh/Tuyển sinh Sau đại học.

https://www.facebook.com/tuyensinh.saudaihoc.dhcn

Trân trọng thông báo./.

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HĐTS SĐH NĂM 2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

Chử Đức Trình

Nơi nhận:
- Các cơ sở đào tạo liên quan;
- Các đơn vị trong trường;
- Website của Trường ĐHCN, thí sinh dự thi;
- Lưu: VT, ĐT, VT.15.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1

Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương Bậc 3, Bậc 4 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

(Kèm theo thông báo số 236 /TB-ĐHCN ngày 22 tháng 05 năm 2023 của Trường Đại học Công nghệ)

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Aptis ESOL	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency
Bậc 3	4.5	42 iBT	A2 Key 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary 140 B2 Business Vantage: 140	B1	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	72 iBT	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	B2	VSTEP.3-5 (6.0)

Một số ngoại ngữ khác

Khung năng lực ngoại ngữ VN	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật	tiếng Hàn
Bậc 3	ТРКИ-1	DELF B1	Goethe-Zertifikat B1, TELC Deutsch B1,	HSK	JLPT N3	TOPIK II

Khung năng lực ngoại ngữ VN	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật	tiếng Hàn
		TCF B1	DSD I, ÖSD -Zertifikat B1, TestDaF-TDN3, ECL B1	Bậc 3	NAT-TEST 3Q J-TEST (400)	(Bậc 3)
Bậc 4	ТРКИ-2	DELF B2 TCF B2	Goethe-Zertifikat B2, TELC Deutsch B2, DSD II (Viết/nói: 8-11 điểm; Nghe/đọc: 8-13 điểm), ÖSD -Zertifikat B2, TestDaF-TDN4 ECL B2	HSK Bậc 4	JLPT N2 (90) NAT-TEST 2Q (100) J-TEST (600)	TOPIK II (Bậc 4)

Ghi chú: *Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, đơn vị đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.*

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2
Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN

(Kèm theo thông báo số 236 /TB-ĐHCN ngày 22 tháng 05 năm 2023 của Trường Đại học Công nghệ)

1. Chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ bậc 3, bậc 4

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận	Chứng chỉ	Chứng nhận						
		Tiếng Anh (*)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn	Tiếng Thái
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	√	√	√	√	√	√	√	√
2.	Trường ĐH Hà Nội	√	√	√	√	√			
3.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế	√	√	√	√				
4.	Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh	√	√	√	√				
5.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	√	√						
6.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	√							
7.	Đại học Bách khoa Hà Nội	√							
8.	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM	√							
9.	ĐH Thái Nguyên	√							
10.	Trường ĐH Cần Thơ	√							
11.	Trường Đại học Nam Cần Thơ	√							
12.	Trường ĐH Vinh	√							

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận	Chứng chỉ	Chứng nhận						
		Tiếng Anh (*)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn	Tiếng Thái
13.	Học viện An ninh nhân dân	√							
14.	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	√							
15.	Trường Đại học Thương mại	√							
16.	Trường Đại học Ngoại thương	√							
17.	Học viện Khoa học quân sự	√							
18.	Học viện Cảnh sát nhân dân	√							
19.	Trường Đại học Quy Nhơn	√							
20.	Trường Đại Học Tây Nguyên	√							
21.	Trường Đại học Sài Gòn	√							
22.	Trường Đại học Văn Lang	√							
23.	Trường Đại học Trà Vinh	√							
24.	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	√							
25.	Trường Đại Học Công nghiệp TP.HCM	√							
26.	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM	√							
27.	Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM	√							

Ghi chú: (*) Mẫu chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020.

2. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận			
		IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Aptis ESOL
1.	Educational Testing Service (ETS)		√		
2.	British Council (BC)	√			√
3.	International Development Program (IDP)	√			
4.	Cambridge ESOL	√		√	

Lưu ý: *ĐHQGHN cho phép thí sinh dự tuyển sau đại học được sử dụng chứng chỉ tiếng Anh* ***Aptis ESOL International Certificate*** *(được cấp từ ngày 16/11/2022 bởi các công ty hoặc các tổ chức do Bộ GD&ĐT cấp phép tại quyết định số 3646/QĐ-BGDĐT).*

3. Một số chứng chỉ ngoại ngữ khác

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Một số ngoại ngữ khác					
		tiếng Nga	***tiếng Pháp***	***tiếng Đức***	***tiếng Trung***	***tiếng Nhật***	***tiếng Hàn***
1.	Viện tiếng Nga Quốc gia A.X.Puskin; Phân viện Puskin	√					
2.	Bộ Giáo dục Pháp		√				
3.	Viện Goethe, TELC, ZfA, ÖSD			√			
4.	Công ty TNHH Công nghệ Giáo dục Quốc tế khảo thí Hán ngữ, Bắc Kinh, Trung Quốc*(*)*				√		
5.	Japan Foundation (JLPT) Senmon Kyouiku Publishing Co.,Ltd (NAT-TEST); Nihongo Kentei Kyokai (J – Test)					√	
6.	Viện Giáo dục Quốc tế quốc gia Hàn Quốc (NIIED)						√

Ghi chú: (*) Cơ sở cấp chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Trung có hiệu lực áp dụng từ ngày 16/01/2023 (trước thời điểm này là Tổ chức Hán Ban, Trung Quốc).

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 3
Danh sách các ngành đào tạo bậc Đại học được xét tuyển thẳng bậc thạc sĩ đợt 2 năm 2023
(Kèm theo thông báo số 236/TB-ĐHCN ngày 22 tháng05 năm 2023 của Trường Đại học Công nghệ)

STT	Ngành/Chuyên ngành bậc Thạc sĩ	Ngành đào tạo bậc Đại học được xét tuyển thẳng
1.	An toàn thông tin	Công nghệ Thông tin Công nghệ Thông tin định hướng thị trường Nhật Bản Khoa học máy tính Hệ thống thông tin Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
2.	Kỹ thuật phần mềm	Công nghệ Thông tin Công nghệ Thông tin định hướng thị trường Nhật Bản Khoa học máy tính Hệ thống thông tin Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
3.	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin Công nghệ Thông tin Công nghệ Thông tin định hướng thị trường Nhật Bản Khoa học máy tính Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
4.	Khoa học máy tính	Khoa học máy tính Công nghệ Thông tin Công nghệ Thông tin định hướng thị trường Nhật Bản Hệ thống thông tin Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
5.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu Công nghệ Thông tin Công nghệ Thông tin định hướng thị trường Nhật Bản Khoa học máy tính Hệ thống thông tin
6.	Kỹ thuật điện tử	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử Kỹ thuật máy tính Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa Kỹ thuật robot
7.	Kỹ thuật viễn thông	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông Công nghệ hàng không vũ trụ
8.	Cơ kỹ thuật	Cơ kỹ thuật
9.	Kỹ thuật cơ điện tử	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
10.	Vật liệu và linh kiện nano	Vật lý kỹ thuật Kỹ thuật Năng lượng

STT	Ngành/Chuyên ngành bậc Thạc sĩ	Ngành đào tạo bậc Đại học được xét tuyển thẳng
		Vật lý Sư phạm Vật lý Khoa học vật liệu Công nghệ vật liệu Hóa học Sư phạm Hóa học Công nghệ kỹ thuật hóa học Vật liệu thông minh
11.	Kỹ thuật xây dựng	Kỹ thuật xây dựng Công nghệ kỹ thuật xây dựng

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 4 – Danh mục ngành phù hợp và các học phần bổ sung kiến thức dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ

(Kèm theo thông báo số 236 /TB-ĐHCN ngày 22 tháng 05 năm 2023 của Trường Đại học Công nghệ)

TT	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ	Danh sách ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức	Ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức	
			Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức
1.	An toàn thông tin	An toàn thông tin, Khoa học máy tính, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật máy tính, Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Công nghệ thông tin.	- Toán tin, Toán ứng dụng, Máy tính và khoa học thông tin, Khoa học dữ liệu, Khoa học tính toán, Sư phạm tin học, Tin học và kỹ thuật máy tính, Khoa học và kĩ thuật máy tính, Toán học, Toán cơ, Sư phạm toán học, Thống kê, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Kỹ thuật điện tử - viễn thông.	- Toán rời rạc (4 tín chỉ) - Lập trình nâng cao (4 tín chỉ) - Cơ sở dữ liệu (4 tín chỉ) - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (4 tín chỉ) - Công nghệ phần mềm (3 tín chỉ) - Nhập môn an toàn thông tin (3 tín chỉ)
2.	Kỹ thuật phần mềm	Kỹ thuật phần mềm, Khoa học máy tính, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật máy tính, Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin.	Toán tin, Toán ứng dụng, Máy tính và khoa học thông tin, Khoa học dữ liệu, Khoa học tính toán, Sư phạm tin học, Tin học và kỹ thuật máy tính, Khoa học và kĩ thuật máy tính, Toán học, Toán cơ , Sư phạm toán học, Thống kê, Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật Robot, Kỹ thuật điện tử - viễn thông.	- Toán rời rạc (4 tín chỉ) - Lập trình nâng cao (4 tín chỉ) - Cơ sở dữ liệu (4 tín chỉ) - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (4 tín chỉ) - Công nghệ phần mềm (3 tín chỉ) - Lập trình hướng đối tượng (3 tín chỉ) - Quản lý dự án phần mềm (3 tín chỉ)
3.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Khoa học máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật máy tính, Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Công	Toán tin, Toán ứng dụng, Máy tính và khoa học thông tin, Khoa học dữ liệu, Khoa học tính toán , Sư phạm tin học, Tin học và kỹ thuật máy tính, Khoa học và kĩ	- Toán rời rạc (4 tín chỉ) - Lập trình nâng cao (4 tín chỉ) - Cơ sở dữ liệu (4 tín

TT	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ	Danh sách ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức	Ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức	
			Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức
		nghệ thông tin, An toàn thông tin.	thuật máy tính, Toán học, Toán cơ, Sư phạm toán học, Thống kê, Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá , Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật điện tử - viễn thông.	chỉ) - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (4 tín chỉ) - Công nghệ phần mềm (3 tín chỉ) - Mạng máy tính (4 tín chỉ)
4.	Hệ thống Thông tin	Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật phần mềm, Kỹ thuật máy tính, Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin.	Toán tin, Toán ứng dụng , Máy tính và khoa học thông tin, Khoa học dữ liệu, Khoa học tính toán, Sư phạm tin học, Khoa học và kĩ thuật máy tính , Toán học, Toán cơ, Sư phạm toán học, Thống kê, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông.	- Toán rời rạc (4 tín chỉ) - Lập trình nâng cao (4 tín chỉ) - Cơ sở dữ liệu (4 tín chỉ) - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (4 tín chỉ) - Công nghệ phần mềm (3 tín chỉ) - Khai phá dữ liệu (3 tín chỉ)
5.	Khoa học Máy tính	Khoa học máy tính, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật máy tính, Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin.	Toán tin, Toán ứng dụng, Máy tính và khoa học thông tin, Khoa học dữ liệu, Khoa học tính toán, Sư phạm Tin học, Tin học và Kỹ thuật máy tính, Khoa học và Kĩ thuật máy tính, Toán học, Toán cơ, Sư phạm Toán học, Thống kê, Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật Robot, Công nghệ Kỹ thuật điện tử truyền thông, Kỹ thuật điện tử - viễn thông.	- Toán rời rạc (4 tín chỉ) - Lập trình nâng cao (4 tín chỉ) - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (4 tín chỉ) - Cơ sở dữ liệu (4 tín chỉ) - Công nghệ phần mềm (3 tín chỉ) - Lập trình hướng đối tượng (3 tín chỉ)
6.	Kỹ thuật điện tử	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ kỹ	Vật lý kỹ thuật, Vật lý, Sư phạm kỹ thuật công nghiệp,	- Linh kiện điện tử (3 tín chỉ)

TT	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ	Danh sách ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức	Ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức	
			Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức
		thuật điện, điện tử, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật máy tính, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Kỹ thuật điện tử và tin học, Tin học và Kỹ thuật máy tính, Khoa học và Kỹ thuật máy tính, Kỹ thuật Robot, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật cơ điện tử.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Công nghệ hàng không vũ trụ, Kỹ thuật hàng không, Công nghệ nông nghiệp, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Cơ kỹ thuật, Kỹ thuật năng lượng, Khoa học máy tính, Công nghệ thông tin, Trí tuệ nhân tạo, Trí tuệ nhân tạo và IoT, Kỹ thuật rađa - dẫn đường, Kỹ thuật thủy âm.	- Điện tử tương tự (3 tín chỉ) - Điện tử số (3 tín chỉ) - Xử lý tín hiệu số (4 tín chỉ) - Kỹ thuật điều khiển (3 tín chỉ)
7.	Kỹ thuật viễn thông	Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Viễn thông, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, Kỹ thuật điện tử viễn thông, Công nghệ hàng không vũ trụ.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật hàng không, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật máy tính, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Kĩ thuật điện tử và tin học, Tin học và Kỹ thuật máy tính, Khoa học và Kĩ thuật máy tính, Kỹ thuật Robot, Trí tuệ nhân tạo và IoT, Kỹ thuật rađa - dẫn đường, Kỹ thuật thủy âm.	- Điện tử tương tự (3 tín chỉ) - Điện tử số (3 tín chỉ) - Xử lý tín hiệu số (4 tín chỉ) - Truyền thông (3 tín chỉ) - Mạng truyền thông máy tính 1 (3 tín chỉ)
8.	Cơ kỹ thuật	Cơ kỹ thuật, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá.	Công nghệ chế tạo máy, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Công nghệ kỹ thuật giao thông, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình thuỷ, Kỹ thuật xây dựng công trình biển, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật hàng không, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Vật lý kỹ thuật, Toán học, Toán cơ, Vật lý học, Khoa học vật liệu, Công nghệ kỹ thuật hạt nhân, Toán ứng dụng, Toán tin, Kỹ thuật tài nguyên nước, Khí tượng và khí hậu học, Hải dương học, Thủy văn học.	- Cơ học môi trường liên tục (4 tín chỉ) - Cơ học vật rắn biến dạng (3 tín chỉ) - Cơ học chất lỏng (3 tín chỉ) - Nhập môn cơ điện tử (3 tín chỉ)

TT	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ	Danh sách ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức	Ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức	
			Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức
9.	Kỹ thuật Cơ điện tử	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật cơ điện tử, Cơ kỹ thuật, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật hàng không, Vật lý kỹ thuật, Vật lý học, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ chế tạo máy, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Công nghệ kỹ thuật giao thông, Toán cơ, Toán ứng dụng, Toán tin.	- Công nghệ chế tạo máy (3 tín chỉ) - Vi xử lý và vi điều khiển (3 tín chỉ) - Cơ sở kỹ thuật điện (2 tín chỉ)
10.	Vật liệu và Linh kiện Nano	Vật lý kỹ thuật, Kỹ thuật Năng lượng, Vật lý, Sư phạm Vật lý, Khoa học vật liệu, Công nghệ vật liệu, Hóa học, Sư phạm Hóa học, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật vật liệu, Vật liệu thông minh.	Cơ kỹ thuật, Kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật điện, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật môi trường.	- Đại cương Khoa học vật liệu (3 tín chỉ) - Kỹ thuật đo lường và cảm biến trong Vật lý (3 tín chỉ) - Kỹ thuật Hóa học và Ứng dụng (3 tín chỉ)
11.	Kỹ thuật xây dựng	Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình thủy, Kỹ thuật xây dựng công trình biển, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Quản lí đô thị và công trình, Quy hoạch vùng và đô thị, Đô thị học, Cơ kĩ thuật, Kiến trúc, Kiến trúc đô thị.	Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật tài nguyên nước, Địa kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật cấp thoát nước, Kinh tế xây dựng, Quản lí xây dựng.	- Quản lí dự án rủi ro (2 tín chỉ) - Phong thủy trong xây dựng (2 tín chỉ) - Những vấn đề hiện đại trong lĩnh vực công nghệ và kĩ thuật xây dựng (2 tín chỉ)